

Bản án số: 22/2019/KDTM-PT

Ngày: 17 -9-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Vương Thảo**

Các thẩm phán: Ông **Vũ Việt Dũng**

Ông **Trần Hoài Sơn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham dự phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hưng**

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐ- PT ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V

Địa chỉ: đường H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông **Nguyễn Mạnh S.**

+ Ông **Trần Đình L.**

+ Ông **Trần R.**

Cùng địa chỉ: đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên A.

Địa chỉ: đường N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thanh H.**, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh C** - Sinh năm 1947. HKTT: Tổ 44, phường M, quận S, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Thanh H.**, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường B, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 190516-2812543-01-SME ngày 23/5/2016: Công ty TNHH MTV A (Công ty) vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Đà Nẵng (Ngân hàng) số tiền là 249.984.591đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,45%/năm, mức điều chỉnh lãi suất 03 tháng/01 lần, kỳ hạn trả nợ: trả gốc và trả lãi 1 tháng/1 lần vào ngày 20 hàng tháng, theo hợp đồng bảo lãnh số 190516-2812543-01-SME/HĐBL.

Theo hợp đồng tín dụng số 290816-2812543-01-SME ngày 30/08/2016: Công ty vay của Ngân hàng số tiền là 193.552.643đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong thời hạn giải ngân là 21,8%/năm mức điều chỉnh lãi suất 01 tháng/01 lần, kỳ hạn trả nợ: trả gốc và trả lãi 1 tháng/1 lần vào ngày 30 hàng tháng.

Tiếp đến vào ngày 22/11/2016 Công ty đã ký giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm được Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức thẻ tín dụng thẻ với số tiền là 50.000.000đ, thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng, lãi suất được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

Hợp đồng bảo lãnh để vay toàn bộ số tiền trên gồm: Hợp đồng bảo lãnh số 190516-2812543-01-SME/HĐBL ngày 23/5/2016; hợp đồng bảo lãnh số 290816-2812543-01-SME/HĐBL ngày 30/8/2016 và hợp đồng bảo lãnh số 141116-2812543-01-SME/HĐBL ngày 14/11/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo quy định tại các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết, nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận. Tính đến ngày 17/5/2019, Công ty còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 165.745.566đ (trong đó nợ gốc 124.597.753đ và nợ lãi 41.147.813đ).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

- Buộc Công ty TNHH MTV A phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 165.745.566đ và tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty TNHH MTV A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên.

- Đại diện Ngân hàng rút yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV A phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 9.333.908 đồng.

- Trong trường hợp Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H để thu hồi khoản nợ vay.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận vào các ngày 23/5/2016; 30/08/2016 và 22/11/2016 Công ty TNHH MTV A có vay của Ngân hàng – Chi nhánh Đà Nẵng tổng cộng 03 hợp đồng với số tiền: 493.537.234đ. Trong quá trình hợp đồng Công ty TNHH MTV A đã trả cho Ngân hàng đầy đủ nợ gốc và lãi nhưng đến đầu năm 2018 Công ty TNHH MTV A bị thua lỗ dẫn đến không đủ khả năng kinh doanh, do đó không có khả năng trả nợ hàng tháng đúng hạn cho Ngân hàng. Hiện nay Công ty TNHH MTV A (đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh H) gặp rất nhiều khó khăn không thể tiếp tục kinh doanh được nữa tuy nhiên đối với số nợ 165.745.566đ của Ngân hàng thì bị đơn đồng ý trả cho Ngân hàng vào ngày cuối cùng hàng quý với số tiền 4.000.000đ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Với nội dung trên, bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn quyết định:

- Buộc Công ty TNHH MTV A phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 165.745.566đ (một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc 124.597.753đ và nợ lãi 41.147.813đ.

- Công ty TNHH MTV A còn phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng 190516-2812543-01-SME ngày 23/5/2016; hợp đồng tín dụng số 290816-2812543-01-SME ngày 30/08/2016; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 22/11/2016 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ cho Ngân hàng.

- Trong trường hợp Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H theo các hợp đồng bảo lãnh số 190516-2812543-01-SME/HĐBL ngày 23/5/2016; hợp đồng bảo lãnh số 290816-2812543-01-SME/HĐBL ngày 30/8/2016 và hợp đồng bảo lãnh số 141116-2812543-01-SME/HĐBL ngày 14/11/2016 để thu hồi nợ đúng theo quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 31/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ban hành Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị đối với bản án số 03/2019/KDTM-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần thủ tục và nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H là ông Nguyễn Thanh C đã được Tòa án nhân dân triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ quy định tại Điều 296 BLTTDS 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về kháng nghị của Viện kiểm sát đối với vi phạm về tố tụng trong bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2018, bản tự khai ngày 18/03/2019, quá trình hòa giải, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi phải trả và tiền lãi phạt chậm trả theo các Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 190516-2812543-01-SME ngày 23/05/2016; hợp đồng tín dụng số 290816-2012543-01-SME kèm khế ước nhận nợ số 300816-2812543-01-SME ngày 30/08/2016, giấy đề nghị và kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 22/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc Công ty phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 9.333.908 đồng.

Theo Khoản 2 Điều 244 BLTTDS thì: “Trường hợp đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ phần yêu cầu đương sự đã rút”. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi phạt chậm trả của Ngân hàng là chưa đầy đủ, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty TNHH MTV A phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 9.333.908 đồng.

[3] Về kháng nghị của Viện kiểm sát do bản án sơ thẩm không buộc bà Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phải trả nợ cho Công ty trong trường hợp Công ty này không trả được nợ theo các hợp đồng bảo lãnh mà bà đã ký với Ngân hàng.

Tại các Hợp đồng bảo lãnh: số 190516-2812543-01-SME/HĐBL ngày 23/5/2016; số 290816-2812543-01-SME/HĐBL ngày 30/8/2016 và số 141116-2812543-01-SME/HĐBL ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị Thanh H đều đồng ý bảo lãnh vô điều kiện bằng toàn bộ tài sản của bà đối với toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV A tại các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty. Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh quy định: *bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên nhận bảo lãnh thông báo về việc bên được bảo lãnh vi phạm nghĩa vụ trả nợ với bên ngân hàng hoặc vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo các văn kiện tín dụng ký với bên ngân hàng*. Như vậy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty được bảo đảm bằng biện pháp bảo lãnh. Hợp đồng bảo lãnh được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 361, 362, 363 BLDS 2005 nên có hiệu lực ràng buộc đối với các bên trong hợp đồng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thanh H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, phải trả nợ cho Công ty trong trường hợp Công ty này không trả được nợ theo các hợp đồng bảo lãnh mà bà đã ký với Ngân hàng là phù hợp với quy định.

Lẽ ra, tòa án sơ thẩm phải xem xét các hợp đồng bảo lãnh giữa các bên đương sự để xem xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Trong trường hợp công ty không thực hiện được nghĩa vụ tại các hợp đồng tín dụng thì buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả nợ thay cho Công ty từ đó mới có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H để thu hồi khoản nợ vay. Tuy nhiên, tại phần quyết định, Tòa án sơ thẩm chỉ buộc Công ty phải trả số tiền 165.745.566 đồng mà không buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty không trả được nợ là chưa xem xét và giải quyết triệt để yêu cầu khởi kiện của đương sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty TNHH MTV A không trả được nợ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty TNHH MTV A phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 9.333.908 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty TNHH MTV A không trả được nợ

[5] Về án phí sơ thẩm

- Công ty TNHH MTV A phải chịu là 8.287.278đ (Tám triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.870.744đ theo biên lai thu số 0001918 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.

Tuyên xử:

[1] Buộc Công ty TNHH MTV A phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 165.745.566đ (một trăm sáu mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc 124.597.753đ và nợ lãi 41.147.813đ.

[2] Công ty TNHH MTV A còn phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi theo thỏa thuận tại các hợp đồng 190516-2812543-01-SME ngày 23/5/2016; hợp đồng tín

dụng số 290816-2812543-01-SME ngày 30/08/2016; giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 22/11/2016 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp Công ty TNHH MTV A không trả được nợ, bà Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên

[3] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty TNHH MTV A phải trả số tiền lãi phạt chậm trả là 9.333.908 đồng.

[4] Trong trường hợp Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu sử dụng của Công ty TNHH MTV A và bà Nguyễn Thị Thanh H theo các hợp đồng bảo lãnh số 190516-2812543-01-SME/HĐBL ngày 23/5/2016; hợp đồng bảo lãnh số 290816-2812543-01-SME/HĐBL, ngày 30/8/2016 và hợp đồng bảo lãnh số 141116-2812543-01-SME/HĐBL ngày 14/11/2016 để thu hồi nợ đúng theo quy định của pháp luật.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Công ty TNHH MTV A phải chịu là 8.287.278đ (Tám triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng).

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.870.744đ theo biên lai thu số 0001918 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Vương Thảo